

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Bình Thuận quý II năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số: 8288 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2024;

Căn cứ nghị quyết số: 41/NQ-HĐND xã ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách xã Bình Thuận năm 2024.

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2024.

( Theo các biểu 113, 114, 115/CKTC-NSNN và thuyết minh đính kèm)

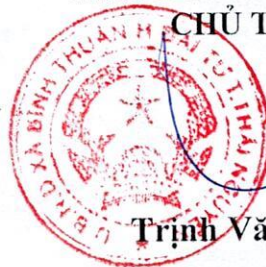
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Công chức Văn phòng -TK, Tài chính - kế toán, Văn hoá -XH và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận :**

- UBND huyện Đại Từ;
- Phòng Tài chính huyện Đại Từ;
- Đảng ủy, HĐND, các đoàn thể;
- Lưu: Văn phòng UBND.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Thức

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2024**  
(Kèm theo quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 )

**1. Thu ngân sách:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn quý II năm 2024 đạt: 3.182.878.830 đồng, bằng 39% dự toán năm 2024 (trong đó: ngân sách địa phương được hưởng 3.092.668.246 đồng), cụ thể như sau:

Thu cân đối đạt: 167.988.396 đồng; đạt 33,6% so với dự toán năm 2024. Hầu hết các khoản thu đều đạt so với kế hoạch giao.

- Thu phí, lệ phí: 8.622.594 đồng đạt 16,27% KH giao. Khoản thu này trong quý đạt thấp là do chưa trích TK thu phí sang TK thu ngân sách T5+6 số tiền 9.196.000 đồng.

- Thu khác: 4.157.982 đồng đạt 41,58% KH giao.
- Lệ phí trước bạ: 23.200.737 đồng đạt 42,18% KH giao.
- Thuế GTGT: 42.702.034 đồng đạt 46,93% KH giao
- Thuế TNCN: 87.884.524 đồng đạt 30,2% KH giao

(Chi tiết theo Biểu 114/CK-NSNN kèm theo)

**2. Chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách địa phương quý II năm 2024: 1.206.305.207 đồng, đạt 15,35% dự toán năm 2024.

(Chi tiết theo Biểu 115/CK-NSNN kèm theo),

**2.1. Chi đầu tư phát triển:** 0 đồng.

**2.2. Chi thường xuyên:** 1.206.305.207 đồng, đạt 15,35% dự toán năm 2024,

- Chi quốc phòng, an ninh: 165.918.004 đồng, đạt 14,1% dự toán năm.
- Chi sự nghiệp y tế: 8.640.000 đồng, đạt 7,84% dự toán năm.
- Chi sự nghiệp văn hóa-TT: 47.015.850 đồng, đạt 149,2% dự toán năm
- Chi sự thể dục thể thao: 10.159.640 đồng, đạt 45,15% dự toán năm
- Chi đảm bảo xã hội: 112.608.000 đồng, đạt 21,95% dự toán năm
- Chi quản lý hành chính 861.963.713 đồng, đạt 15,1% dự toán năm, .

Nhìn chung, quý II năm 2024, công tác thu ngân sách cơ bản hoàn thành kế hoạch giao. Công tác chi ngân sách đã đảm bảo các nhiệm vụ chi cần thiết, các khoản lương, phụ cấp do có thay đổi chính sách tiền lương nên các khoản phụ cấp không chuyên trách xã, xóm và phụ cấp khác còn T5+6 chưa được thanh toán, chuyển sang quý 3/2024.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý II năm 2024, UBND xã Bình Thuận trân trọng báo cáo./



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	7.857.000.000	3.092.668.246	39,36
1	Các khoản thụ xã hưởng 100 %	63.000.000	12.122.594	19,24
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	146.000.000	65.655.218	44,97
3	Thu bổ sung	7.502.000.000	1.875.500.000	25,00
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.873.000.000	1.468.250.000	25,00
	- Bổ sung có mục tiêu	1.629.000.000	407.250.000	25,00
4	Thu chuyển nguồn	146.000.000	1.139.390.434	780,40
II	TỔNG SỐ CHI	7.197.932.000	1.206.305.207	16,76
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	7.087.932.000	1.206.305.207	17,02
3	Dự phòng	110.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	<b>Tổng số thu</b>	<b>8.148.000.000</b>	<b>7.853.360.000</b>	<b>3.182.878.830</b>	<b>3.092.668.246</b>	<b>39,06</b>	<b>39,38</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>63.000.000</b>	<b>63.000.000</b>	<b>12.780.576</b>	<b>12.122.594</b>	<b>20,29</b>	<b>19,24</b>
1	Phí, lệ phí	-53.000.000	53.000.000	8.622.594	8.622.594	16,27	16,27
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	10.000.000	10.000.000	4.157.982	3.500.000	41,58	35,00
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>437.000.000</b>	<b>142.360.000</b>	<b>155.207.820</b>	<b>65.655.218</b>	<b>35,52</b>	<b>46,12</b>
1	Các khoản thu phân chia	55.000.000	55.000.000	24.661.262	24.661.262	44,84	44,84
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			1.460.525	1.460.525		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	55.000.000	55.000.000	23.200.737	23.200.737	42,18	42,18
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	382.000.000	87.360.000	130.546.558	40.993.956	34,17	46,93
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	91.000.000	91.000.000	42.702.034	40.993.956	46,93	45,05
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	291.000.000		87.844.524		30,19	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyên nguồn</b>	<b>146.000.000</b>	<b>146.000.000</b>	<b>1.139.390.434</b>	<b>1.139.390.434</b>	<b>780,40</b>	<b>780,40</b>
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>7.502.000.000</b>	<b>7.502.000.000</b>	<b>1.875.500.000</b>	<b>1.875.500.000</b>	<b>25,00</b>	<b>25,00</b>
1	Thu bổ sung cân đối	5.873.000.000	5.873.000.000	1.468.250.000	1.468.250.000	25,00	25,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.629.000.000	1.629.000.000	407.250.000	407.250.000	25,00	25,00

